

TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI Tháng 12 và năm 2014

Ước thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu năm 2014

	Năm 2014		Thực hiện năm 2013
	Kế hoạch	Ước thực hiện	
1 Tốc độ tăng trưởng kinh tế GDP – (%)	9,5-10	9,6	9,3
<i>Trong đó: Nông, lâm, thủy sản</i>	5,0	5,9	5,6
<i>Công nghiệp và xây dựng</i>	7,5-7,7	7,2	7,4
<i>Dịch vụ</i>	11,1-11,7	11,4	10,7
2 Chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp (IIP-%)		7,0	
3 Tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu (%)	10,0	8,8	-2,0
<i>Trong đó: - Trừ dầu thô</i>		11,9	2,6
4 Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng tháng 12 so với tháng 12 năm trước (%)		1,65	
5 Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	275.236	250.392	232.630
6 Cấp phép mới vốn đầu tư nước ngoài (triệu USD)		2.842,8	963,1
7 Tổng thu ngân sách nhà nước (tỷ đồng)	226.300	249.866	226.553
Thu ngân sách không tính dầu thô	199.000	218.716	195.436
T.đó: * Thu nội địa (tỷ đồng)	124.200	132.216	118.765
* Thu từ xuất nhập khẩu (tỷ đồng)	74.800	86.500	76.671
8 Chi ngân sách địa phương (tỷ đồng)	41.979	48.461	50.635
T.đó: Chi đầu tư phát triển	11.145	19.156	17.019
9 Số LĐ được giải quyết việc làm (ngàn người)	265	290	293
<i>Trong đó: Được tạo việc làm mới</i>	120	121,4	123
10 Tỷ lệ hộ nghèo (<i>tiêu chuẩn thu nhập dưới 16 triệu đồng/người/năm - %</i>)		1,65	

Tình hình kinh tế năm 2014 của cả nước nói chung và thành phố nói riêng tuy còn khó khăn, thể hiện hàng tồn kho còn cao, sức mua dân cư chưa chuyển biến mạnh, nhưng dấu hiệu phục hồi khá rõ, sản xuất công nghiệp, kim ngạch xuất khẩu, tiêu thụ bất động sản và dư nợ tín dụng đều tăng cao hơn năm 2013. Tổng sản phẩm trên địa bàn (GDP) ước tăng 9,6% so năm trước (cùng kỳ năm trước tăng 9,3%); chỉ số giá tiêu dùng (CPI) cả năm đạt 1,65% giảm 3,55 điểm phần trăm so năm 2013. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) đạt 7,0% (năm 2013 đạt 6,4%); lượng bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tăng 8%, trong đó hàng hóa tăng 11,9%; tổng vốn đầu tư xã hội đạt 250,4 ngàn tỷ đồng, tăng 7,6% (năm 2013 tăng 7,2%); thu ngân sách không tính dầu thô đạt 218.716 tỷ, tăng 11,9%; chi ngân sách địa phương 48.461 tỷ giảm 4,3% so cùng kỳ, tín dụng tăng (đến 1/12) tăng 8,9% (cùng kỳ tăng 6,35%).

I. TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) trên địa bàn cả năm tăng 9,6% so năm trước, cao hơn mức tăng 9,3% của năm 2013. Trong đó: tốc độ tăng so với cùng kỳ của quý I là 7,7%, quý II là 8,7%, quý III là 10,2% và quý IV đạt 11,2% .

Tổng sản phẩm trong nước năm 2014

	Giá thực tế		Tốc độ tăng so với năm 2013 (%)	Đóng góp vào mức tăng (%)
	Tỷ đồng	Tỷ trọng (%)		
Tổng số	852.523	100,00	9,6	9,6
<i>Phân theo khu vực</i>				
- Nông, lâm, thủy sản	8.778	1,0	5,9	0,06
- Công nghiệp và xây dựng	335.571	39,4	7,2	2,93
+ Công nghiệp	292.242	34,3	7,1	2,50
+ Xây dựng	43.329	5,1	7,9	0,42
- Dịch vụ	508.174	59,6	11,4	6,59

Trong 9,6% tăng trưởng chung của nền kinh tế, khu vực dịch vụ vẫn giữ mức đóng góp cao nhất 6,59 điểm phần trăm, tiếp theo là công nghiệp và xây dựng 2,93 điểm phần trăm và khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản 0,06 điểm phần trăm.

- Giá trị tăng thêm khu vực nông lâm thủy sản đạt 8.778 tỷ đồng, chiếm 1,0% GDP, tăng 5,9%.

- Giá trị tăng thêm của khu vực công nghiệp và xây dựng đạt 335.571 tỷ đồng chiếm 39,4% GDP, tăng 7,2%; trong đó công nghiệp tăng 7,1%.

- Giá trị tăng thêm khu vực dịch vụ đạt 508.174 tỷ đồng chiếm 59,6% GDP tăng 11,4%. Trong đó: ngành thương nghiệp bán buôn bán lẻ tăng 10,8%, ngành khách sạn nhà hàng tăng 10,4%, vận tải kho bãi tăng 14,1%.

II. CÔNG NGHIỆP

Ước tính chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 12 tăng 9,2% so với tháng 11. Đây là tháng có tốc độ tăng cao nhất trong năm do các doanh nghiệp đang khẩn trương sản xuất các mặt hàng phục vụ nhu cầu tiêu dùng cuối năm và Tết sắp đến. Một số ngành có chỉ số sản xuất tăng so tháng trước: sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (+56,9%); hóa chất (+18,2%); sản xuất thiết bị điện (+13,9%); sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại (+11,9%) trong đó: xi măng (+6,4%), bê tông (+35,6%); sản phẩm điện tử (+11,8%); dệt (+11,6%); cao su và plastic (+10,2%); trang phục (+8,0%); kim loại (+6,8%); da (+5,7%); thuốc (+4,3%); giấy (+3,9%); thuốc lá (+3,1%); đồ uống (2,3%)... Một số ngành có chỉ số sản xuất giảm so tháng trước: chế biến thực phẩm (-7,3%); máy móc thiết bị (-5,1%); phương tiện vận tải (-4,4%)...

So với tháng 12/2013, chỉ số sản xuất công nghiệp ước tăng 8,9%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp cả năm ước tăng 7,0% so với cùng kỳ năm 2013, cao hơn mức tăng năm 2013. Trong đó ngành công nghiệp khai khoáng tăng 9,3%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,0%; sản xuất phân phối điện tăng 6,2%; sản xuất và phân phối nước tăng 8,6%. Tình hình sản xuất ở một số ngành có tỷ trọng cao như sau:

Chỉ số phát triển công nghiệp một số ngành chủ yếu

Đơn vị tính: %

	Tháng 12 so với tháng 11	Năm 2014 so với năm 2013
Tổng số	109,2	107,0
Chia theo ngành cấp 1		
1. Công nghiệp khai thác mỏ	63,7	109,3
2. Công nghiệp chế biến	109,5	107,0
3. SX và phân phối điện	98,3	106,2
4. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	101,5	108,6
Một số ngành chủ yếu		
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	92,7	105,0
2. Sản xuất đồ uống	102,3	103,7
3. Sản xuất trang phục	108,0	115,0
4. Sản xuất da và SP liên quan	105,7	107,7
5. SX hóa chất và SP hóa chất	118,2	101,8
6. Sản phẩm từ cao su và plastic	110,2	100,0
7. SP. từ khoáng phi kim loại	111,9	108,1
8. Sản xuất SP điện tử	111,8	108,3
9. Sản xuất thiết bị điện	113,9	111,9
10. Sản xuất xe có động cơ	102,3	144,4

Theo ngành công nghiệp cấp 2, có 22/26 ngành tăng so với cùng kỳ năm trước. Trong đó những ngành có chỉ số sản xuất 12 tháng tăng cao như: sản xuất xe có động cơ (+44,4%); phương tiện vận tải khác (+37,3%); trang phục (+15,0%); sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (+12,3%); thiết bị điện (+11,9%); thuốc (+11,5%); giấy (+10,8%). Một số ngành có mức tăng khá: sản xuất sản phẩm điện tử (+8,3%); sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại (+8,1%); da (+7,7%); thu gom rác (+7,2%); phân phối điện (+6,2%). Một số ngành có mức tăng thấp hoặc giảm là: chế biến thực phẩm (+5,0%); đồ uống (+3,7%); dệt (+3,2%); sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (+2,5%); kim loại (-7,3%); máy móc, thiết bị (-8,2%); thuốc lá (-22,1%).

Kết quả sản xuất 4 ngành công nghiệp trọng điểm: ước tháng 12 tăng 10,4% so với tháng 11; tăng 10,6% so với tháng 12 năm trước. Tính chung cả năm tăng 8,3% so với năm 2013, cao hơn mức tăng chung của toàn ngành, bao gồm: ngành chế biến lương thực, thực phẩm tăng 4,3%, hóa dược cao su tăng 4,1%, điện tử tăng 8,3% và cơ khí chế tạo tăng 16,6%.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến tính chung 11 tháng tăng 7,8% so với cùng kỳ năm 2013. Một số ngành có chỉ số tiêu thụ 11 tháng tăng cao so với cùng kỳ 2013: sản xuất xe có động cơ; sản xuất phương tiện vận tải khác; kim loại; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn; giấy; thuốc; da; thiết bị điện; trang phục... Một số ngành có chỉ số tiêu thụ tháng 11 tăng thấp: hóa chất; cao su và plastic; dệt; sản phẩm điện tử; đồ uống...

Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại thời điểm 01/12 tăng 16,8% so với cùng thời điểm năm trước. Một số ngành có chỉ số tồn kho giảm: sản xuất xe có động cơ; sản xuất phương tiện vận tải khác; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn; sản xuất da; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic; kim loại... Một số

ngành có chỉ số tồn kho tăng: sản xuất trang phục; sản xuất sản phẩm điện tử; chế biến thực phẩm; đồ uống...

III. XÂY DỰNG

Giá trị sản xuất xây dựng quý IV trên địa bàn thành phố theo giá thực tế ước thực hiện 54.319,1 tỷ đồng, tăng 18,4% so với quý trước, so với quý IV/2013 chỉ tăng 11,4%. Nhìn chung, giá trị sản xuất xây dựng của các khu vực đều tăng so với quý trước và quý cùng kỳ năm 2013. So với quý III: khu vực kinh tế nhà nước +11,5%; khu vực kinh tế tư nhân +19,3%; khu vực kinh tế có vốn nước ngoài +15,3%. **Giá trị sản xuất cả năm theo giá thực tế** ước thực hiện 167.515 tỷ đồng, tăng 9,8% so với năm 2013, bao gồm: kinh tế nhà nước +3,2%; khu vực kinh tế tư nhân +10,6%; khu vực kinh tế có vốn nước ngoài +8,2%.

Giá trị sản xuất xây dựng cả năm theo giá so sánh ước thực hiện 137.821,4 tỷ đồng, tăng 7,7% so với năm 2013, bao gồm: khu vực kinh tế nhà nước +1,2%; khu vực kinh tế tư nhân + 8,5%; khu vực kinh tế có vốn nước ngoài +6,1%.

IV. ĐẦU TƯ

Tổng vốn đầu tư trên địa bàn năm 2014 ước thực hiện 250.390 tỷ đồng, so với cùng kỳ tăng 7,6%, (*năm 2013 tăng 7,2%*), tình hình tăng trưởng kinh tế trong nước đã có dấu hiệu phục hồi, lãi suất hạ, đó là những tín hiệu tốt để các doanh nghiệp tin tưởng đầu tư.

Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn

	Thực hiện năm 2014 (tỷ đồng)	So sánh năm 2014 với 2013(%)	Tỷ trọng (%)
Tổng số	250.390	107,6	100,0
- Vốn nhà nước	48.564	104,1	19,4
- Vốn ngoài nhà nước	149.583	108,4	59,7
- Vốn nước ngoài	52.243	108,9	20,9

Vốn đầu tư so GDP đạt 29,4%, tỷ lệ này của năm 2013 là 29,7%.

Trong đó:

Vốn đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn thuộc ngân sách thành phố: 12 tháng ước thực hiện 18.159,8 tỷ đồng, đạt 91,4% kế hoạch năm, tăng 4,6% so với cùng kỳ; cấp thành phố ước thực hiện 10.968,2 tỷ đồng, chiếm 60,4%, tăng 15,3% so cùng kỳ; cấp quận huyện 7.191,6 tỷ đồng, chiếm 39,6%, bằng 91,6% so cùng kỳ.

Vốn đầu tư thực hiện thuộc ngân sách thành phố

	Thực hiện năm 2014 (tỷ đồng)	% thực hiện so với	
		Kế hoạch	Năm 2013
Tổng số	18.159,8	91,4	104,6
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	836,0	103,3	68,6
Cấp thành phố	10.968,2	89,0	115,3
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	577,5	102,3	89,4
Cấp quận huyện	7.191,6	95,3	91,6
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	258,5	105,7	45,1

Năm 2014, nguồn vốn đầu tư từ ngân sách thành phố có tốc độ tăng trưởng thấp hơn các khu vực khác, nhưng trong năm vẫn có nhiều công trình và hạng mục lớn hoàn

thành đưa vào sử dụng như: mở rộng cầu Kinh Thanh Đa; đường tỉnh lộ 10B; dự án nâng cấp, mở rộng đường Phạm Văn Bạch; xây dựng cầu Đỏ; dự án sửa chữa nâng cấp cầu Bông Ky; nâng cấp mở rộng đường Bến Vân Đồn...

Về phía Đông thành phố hướng quận 2, quận 9 có nhiều dự án giao thông lớn được mở rộng và xây dựng mới như: dự án mở rộng xa lộ Hà Nội, dự án đường cao tốc TP. Hồ Chí Minh – Long Thành – Dầu Giây hoàn thành đưa vào sử dụng có tác dụng làm giảm ùn tắc giao thông, tạo ra môi trường thông thoáng hơn, kích thích các nhà đầu tư trong và ngoài nước tăng vốn đầu tư, cụ thể: trong năm 2014 công ty TNHH điện tử Samsung CE Complex đăng ký vốn đầu tư vào khu công nghệ cao TP. HCM với tổng vốn 1,4 tỷ USD; dự án xây dựng 4 tuyến đường chính trong khu đô thị mới Thủ Thiêm, với tổng vốn đăng ký 393,5 triệu USD; dự án xây dựng căn hộ kết hợp trung tâm thương mại tại phường 22, quận Bình Thạnh, với tổng vốn đăng ký 200,1 triệu USD... Đây là tiền đề mới tạo đà tăng trưởng đầu tư cho những năm tiếp theo.

2. Cấp giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn nhà ở hộ dân:

Tính đến ngày 30/11, toàn thành phố đã cấp 44.941 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn, với diện tích sàn 8.295,8 ngàn m². Trong đó cấp cho xây dựng mới 43.992 giấy phép, với diện tích 8.202,8 ngàn m² và 949 giấy phép sửa chữa lớn, với diện tích 93,0 ngàn m².

So với cùng kỳ tăng 17,2% về giấy phép (+6.597) và tăng 25,3% về diện tích (+1.676 ngàn m²).

3. Cấp phép dự án có vốn đầu tư nước ngoài

Từ đầu năm đến ngày 15/12, đã có 414 dự án có vốn nước ngoài được cấp chứng nhận đầu tư trên địa bàn thành phố, vốn đăng ký đạt 2.842,8 triệu USD, vốn điều lệ đạt 1.011,5 triệu USD (trong đó 7 dự án vốn đăng ký trên 100 triệu, tổng vốn đạt 2.203,6 triệu USD).

Chia theo hình thức đầu tư: 100% vốn nước ngoài 300 dự án, vốn đầu tư đạt 2.179,2 triệu USD; liên doanh 113 dự án, vốn đầu tư 662,9 triệu USD; hợp đồng hợp tác kinh doanh 1 dự án, vốn đầu tư đạt 767,2 ngàn USD.

Chia theo ngành nghề đầu tư: công nghiệp 43 dự án, vốn đầu tư 1.646,5 triệu USD, chiếm 57,9% tổng vốn đăng ký cấp phép mới; thương nghiệp 111 dự án, vốn đầu tư 312,1 triệu USD (chiếm 11%); hoạt động kinh doanh bất động sản 13 dự án, vốn đầu tư 634,4 triệu USD (chiếm 22,3%); hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ 88 dự án, vốn đầu tư 174,6 triệu USD (chiếm 6,1%); thông tin truyền thông 95 dự án, vốn đầu tư 22,1 triệu USD; giáo dục và đào tạo 8 dự án, vốn đầu tư 20,2 triệu USD;...

Chia theo đối tác đầu tư: có 43 quốc gia và vùng lãnh thổ đăng ký đầu tư. Trong đó, đứng đầu về vốn là Singapore với 58 dự án, vốn đầu tư đạt 1.810,5 triệu USD (chiếm 63,7% tổng vốn cấp mới); British Virgin Islands 8 dự án, vốn đầu tư 346,4 triệu USD (chiếm 12,2%); Nhật Bản 91 dự án, vốn đầu tư 227,4 triệu USD (chiếm 8%); Hàn Quốc 58 dự án, vốn đầu tư 133,1 triệu USD (chiếm 4,7%); Cayman Islands 1 dự án, vốn đầu tư 63,5 triệu USD; Hồng Kông 24 dự án, vốn đầu

tư 52,8 triệu USD; Trung Quốc 11 dự án, vốn đầu tư 7,8 triệu USD; Đài Loan 14 dự án, vốn đầu tư 9,4 triệu USD;...

Điều chỉnh tăng vốn đầu tư 133 dự án, số vốn tăng 371,2 triệu USD. **Tổng vốn đăng ký cấp mới và điều chỉnh tăng vốn đạt 3.214 triệu USD** (cùng kỳ năm trước đạt 1.656,8 triệu USD). Giải thể, rút giấy phép đầu tư và chuyển đi tỉnh thành 54 dự án, vốn đầu tư 125,3 triệu USD.

Số dự án còn hiệu lực hoạt động trên địa bàn thành phố tính đến ngày 15/12 đạt 5.280 dự án với vốn đầu tư đạt 36,3 tỷ USD.

Một số dự án mới cấp phép tiêu biểu:

- Dự án công ty TNHH điện tử Samsung CE Complex, vốn đăng ký 1,4 tỷ USD;
- Dự án khu chung cư phường 22 – Quận Bình Thạnh, vốn đăng ký 200 triệu USD, Công ty TNHH Bay Water; British Virgin Islands
- Dự án công ty TNHH Worldon, British Virgin Islands, vốn đăng ký 140 triệu USD, hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo;
- Dự án khu phức hợp Onehub Saigon tại khu công nghệ cao, vốn đăng ký 130 triệu đô-la Mỹ của Công ty TNHH Ascendas Land Việt Nam, Singapore;
- Dự án trung tâm mua sắm AEON – Quận Bình Tân, vốn đăng ký 128 triệu USD;
- Dự án công ty cổ phần Masan Argi, vốn đăng ký 102,9 triệu USD, hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ;
- Dự án Villa Arcadia, vốn đăng ký 102 triệu USD, của Công ty TNHH Villa Arcadia, hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản.

4. Doanh nghiệp thành lập mới và ngừng hoạt động

a. Cấp phép thành lập doanh nghiệp (khu vực không có vốn đầu tư nước ngoài)

Tính từ đầu năm đến 15/12 đã có 23.940 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, giảm 5,6% so với cùng kỳ năm 2013. Trong đó: khu vực công nghiệp – xây dựng chiếm 22,6% giảm 7%; khu vực dịch vụ chiếm 76,9% giảm 5,3%.

Phân theo loại hình doanh nghiệp: 1.018 doanh nghiệp tư nhân giảm 10,5%, 2.519 công ty cổ phần giảm 10% và 21.403 công ty TNHH giảm 6,7%.

Tổng vốn đăng ký thành lập doanh nghiệp 127,8 ngàn tỷ đồng, tăng 11,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó khu vực công nghiệp xây dựng giảm 13,5%, khu vực dịch vụ tăng 23,9%. Quy mô vốn bình quân doanh nghiệp đạt 5,3 tỷ đồng, tăng 17,9%.

b. Doanh nghiệp ngừng hoạt động

Theo báo cáo từ cơ quan Thuế, tổng số doanh nghiệp ngưng nghỉ 11 tháng đầu năm là 22.423 doanh nghiệp, bằng 95,9% số doanh nghiệp được cấp mới mã số thuế, tăng 8,9% so cùng kỳ, trong đó có 8 doanh nghiệp nhà nước, 229 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và 22.156 doanh nghiệp ngoài nhà nước. Bình quân 1 tháng có 2.038 doanh nghiệp ngưng nghỉ hoạt động, con số này của năm 2013 là 1.871 doanh nghiệp.

V. NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

Sản xuất nông nghiệp thành phố trong năm qua còn gặp khó khăn về xuất khẩu, tiêu thụ hàng nông sản, giá cả, dịch bệnh ở các vùng lân cận,...nhưng với sự quan tâm của các ngành chức năng và sự nỗ lực của bà con nông dân, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, chú trọng phát triển giống cây, con chất lượng cao; tiếp tục xây dựng các mô hình sản xuất có giá trị kinh tế cao như mô hình rau sạch theo quy trình VietGap, mô hình hoa lan, cây kiểng, mô hình bò sữa công nghệ cao... Nhờ vậy, sản xuất nông nghiệp thành phố năm 2014 tăng trưởng khá so với cùng kỳ.

Giá trị sản xuất nông lâm, thủy sản năm 2014 ước đạt 16.505,2 tỷ đồng (giá thực tế), tăng 6% so với năm trước; trong đó giá trị sản xuất nông nghiệp tăng 4,8%; lâm nghiệp tăng 13,2%; thủy sản tăng 9,8%.

Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản 2014

	Giá thực tế		Giá so sánh 2010	
	Tỷ đồng	Tỷ trọng (%)	Tỷ đồng	% so sánh với năm 2013
Tổng số	16.505,2	100,0	11.485,4	106,0
Nông nghiệp	11.728,5	71,1	8.809,9	104,8
+ Trồng trọt	4.092,5	24,8	3.322,3	104,5
+ Chăn nuôi	6.534,7	39,6	4.706,6	104,3
+ Dịch vụ	1.101,3	6,7	780,9	109,3
Lâm nghiệp	173,9	1,0	106,0	113,2
Thủy sản	4.602,9	27,9	2.569,5	109,8

1. Nông nghiệp

Giá trị sản xuất nông nghiệp năm 2014 đạt 11.728,5 tỷ đồng (giá thực tế), tăng 4,8% so với năm trước. Trong đó trồng trọt chiếm 34,9%, tăng 4,5%; chăn nuôi chiếm 55,7%, tăng 4,3%; dịch vụ nông nghiệp tăng 9,3%.

1.1 Trồng trọt

Diện tích gieo trồng cây hàng năm cả năm ước đạt 41.240 ha, giảm 7,1% so với năm trước; trong đó diện tích lúa 20.808 ha, giảm 2,3%, sản lượng đạt 88.276,4 tấn, giảm 2,2%; bắp 1.366,8 ha, tăng 20,8%, rau 10.012 ha, giảm 3,4%, diện tích đậu phộng giảm 17,7%, mía giảm 18,9% so với năm trước. Nhìn chung diện tích gieo trồng giảm, nhưng năng suất của hầu hết các loại cây đều tăng.

Dự ước kết quả sản xuất một số cây hàng năm chủ yếu

	Thực hiện năm 2014			% so sánh năm 2014 với năm 2013		
	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích	Năng suất	Sản lượng
Tổng số	41.240,0			92,9		
Lúa	20.808,0	42,4	88.276,4	97,7	100,1	97,8
Bắp	1.366,8	32,6	4.459,0	120,8	104,0	125,7
Rau	10.012,0	253,4	253.702,0	96,6	103,5	100,0
Đậu phộng	318,0	30,1	958,5	82,3	107,4	88,4
Mía	1.954,2	753,3	147.208,8	81,1	119,3	96,7

Diện tích cây lâu năm 12.827 ha, giảm 3,4% so năm trước. Trong đó diện tích cây ăn quả giảm 5,6% do một số diện tích trồng cây ăn quả được chuyển sang sử dụng vào mục đích khác.

Vụ Đông xuân 2014-2015: lúa đã xuống giống 1.381,5 ha; rau gieo trồng 2.852 ha, trong đó có 1.200 ha trồng rau muống nước.

Tình hình sinh vật gây hại: Diện tích nhiễm sinh vật gây hại trên rau 7.068,7 lượt ha, thấp hơn 2.275,3 lượt ha so với cùng kỳ; hoa lan, cây kiềng 355,8 lượt ha, thấp hơn 345,5 lượt ha; lúa 11.211,8 lượt ha, thấp hơn 4.718,8 lượt ha (nhiễm rầy nâu 1.602,7 lượt ha).

1.2. Chăn nuôi: (kết quả điều tra chăn nuôi thời điểm 1/10/2014)

Đàn gia súc: Đàn trâu 5.521 con, giảm 1% so với thời điểm 1/10/2013; có 91,6% tổng đàn trâu được nuôi tại các huyện ngoại thành (huyện Củ Chi chiếm 67,9% tổng đàn, tăng 2%). Đàn heo 291,1 ngàn con (không tính heo sữa) tăng 1,5%, trong đó 7.444 con heo rừng lai (huyện Củ Chi 157,4 ngàn con, tăng 2,8%).

Tổng đàn bò 129,6 ngàn con, tăng 15,7% so với thời điểm cùng kỳ, huyện Củ Chi 83,4 ngàn con, tăng 14,2%, huyện Hóc Môn 30,9 ngàn con, tăng 28,3%. Đàn bò sữa có 103,2 ngàn con chiếm 79,6% tổng đàn bò, tăng 16,5%; trong đó huyện Củ Chi tăng 14,2%, huyện Hóc Môn tăng 28,3% so với cùng kỳ.

Gia cầm: 655,6 ngàn con, tăng 114,9% so với năm trước. Trong đó, đàn gà 600,2 ngàn con, tăng 106,9%. Đàn gà thịt công nghiệp chiếm 92,3% tổng đàn gà, nuôi gia công tại các hộ cho công ty CP và các trang trại gà Củ Chi 1, Củ Chi 2.

Tình hình dịch bệnh: công tác phòng chống dịch bệnh trên gia súc, gia cầm được kiểm tra thường xuyên, đảm bảo không xảy ra dịch bệnh, góp phần duy trì và phát triển ngành chăn nuôi của thành phố.

2. Lâm nghiệp

Giá trị sản xuất lâm nghiệp ước đạt 173,9 tỷ đồng (giá thực tế), tăng 13,2% so với cùng kỳ; trong đó khai thác chiếm 90,7%, tăng 17,3% do gỗ và tre đang vào chu kỳ khai thác.

Tổng diện tích đất lâm nghiệp hiện có 36.727 ha, trong đó diện tích đất có rừng là 34.411 ha, đạt tỉ lệ che phủ là 16,4%; tỉ lệ diện tích che phủ rừng và cây xanh phân tán quy đổi trên tổng diện tích đất tự nhiên đến nay đạt 39,8%, tăng so với cùng kỳ.

Diện tích rừng trồng tập trung bổ sung năm nay đạt 216 ha, tăng 4,9% so năm trước; trong đó 130 ha là rừng sản xuất và 86 ha rừng phòng hộ.

Sản lượng gỗ khai thác 12.209 m³, giảm 38,4%; sản lượng củi 2.380 stere, giảm 38,5%; nguyên liệu giấy 87.600 tấn, tăng 262,8% so năm trước.

3. Thủy sản

Giá trị sản xuất thủy sản ước đạt 4.602,9 tỷ đồng (giá thực tế), tăng 9,8% so với năm trước. Trong đó khai thác chiếm 26,9%, tăng 43,6%; nuôi trồng chiếm 72,4%, tăng 4,5%.

Sản lượng thủy sản 55.169 tấn tăng 5,8% so với cùng kỳ; trong đó, khai thác 18.804 tấn, giảm 13,5%, nuôi trồng 36.365 tấn, tăng 19,5%.

Tình hình thả nuôi tôm: tính đến ngày 4/12, có 639 lượt hộ thả nuôi tôm sú giống với 154,5 triệu con trên diện tích 3.243 ha. Tôm thẻ chân trắng có 3.504 lượt hộ thả nuôi với 1.521,7 triệu con trên diện tích 2.923,2 ha.

Dịch bệnh trên tôm: tính từ đầu năm đến nay, đã có 308 lượt hộ nuôi có tôm bệnh trên diện tích 218,6 ha làm thiệt hại 107,7 triệu con giống. 146 hộ với 98,1 ha được xử lý dập bệnh bằng thuốc của Quỹ phòng ngừa dịch bệnh với, số còn lại hộ tự xử lý.

VI. NỘI THƯƠNG VÀ CHỈ SỐ GIÁ

1. Nội thương

Năm 2014 là năm hoạt động tích cực của các đơn vị thương mại dịch vụ trên địa bàn thành phố. Với tác động tích cực từ chương trình bình ổn thị trường, mở rộng mạng lưới bán lẻ, các hoạt động tăng cường sức mua như giảm giá, khuyến mãi... giúp tăng sức mua trong năm, tuy chưa chuyển biến mạnh.

Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ trên địa bàn thành phố tháng 12 ước đạt 64.263,8 tỷ đồng, tăng 7,2% so với tháng trước do đây là tháng cuối năm nên nhu cầu tiêu dùng tăng lên.

Ước tính cả năm, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đạt 655.365,5 tỷ đồng, tăng 12,5% so cùng kỳ năm 2013; trong đó tính riêng tổng mức bán lẻ hàng hóa tăng 13,9%. **Loại trừ biến động giá, lượng hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tăng 8,04%, trong đó tính riêng hàng hóa tăng 11,9%.**

Trong tổng mức bán lẻ, các thành phần kinh tế có mức tăng đều nhau.

- Kinh tế nhà nước 97.492 tỷ đồng, chiếm 14,9%, tăng 12%;
- Kinh tế ngoài nhà nước 526.398 tỷ đồng, chiếm 80,3%, tăng 12,6%;
- Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 31.475 tỷ đồng, chiếm 4,8%, tăng 12,7%.

Chia theo ngành kinh tế: Doanh thu thương mại chiếm phần lớn trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng và có mức tăng cao nhất 13,9%. Trong đó lương thực thực phẩm tăng 11,9%, may mặc tăng 6,5%, đồ dùng, trang thiết bị gia đình tăng 5,8%, vật phẩm văn hóa giáo dục tăng 7,2%, xăng dầu tăng 12%. Nhóm ngành có tốc độ tăng cao: phương tiện đi lại tăng 30,5%; nhóm hàng hóa khác tăng 19,5%;

- Doanh thu khách sạn, nhà hàng chiếm 10,4% trong tổng mức bán lẻ, tăng 6,1%. Trong đó: **doanh thu khách sạn** chỉ tăng nhẹ so năm trước (+0,4%) nguyên nhân do giá thuê phòng và lượng khách du lịch giảm (khách Trung Quốc giảm do ảnh hưởng tình hình biển Đông), một số khách sạn hạng sang tại trung tâm quận 1 nằm trong khu vực thi công tuyến Metro làm ảnh hưởng đến sự lựa chọn của du khách. **Doanh thu nhà hàng** tăng 6,7%, trong đó thành phần kinh tế ngoài nhà nước có mức tăng cao 12,8%.

- Doanh thu dịch vụ chiếm 6,4% trong tổng mức, tăng 12%. Trong đó giáo dục tăng 18%, y tế tăng 15%, vui chơi giải trí tăng 10,5%.

- Doanh thu các đơn vị du lịch chiếm 2,8%, tăng 12,5%.

Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ phân theo ngành hàng

	Ước thực hiện 12 tháng (tỷ đồng)			% so sánh với cùng kỳ 2013		
	Trên địa bàn	K.tế trong nước	K.tế có vốn ĐTNN	Trên địa bàn	K. tế trong nước	K.tế có vốn ĐTNN
	Tổng mức	655.365	623.890	31.475	112,5	112,5
Tr.đó: Thương nghiệp	493.944	480.818	13.126	113,9	113,6	124,5
Khách sạn	6.517	3.743	2.774	100,4	106,3	93,3
Nhà hàng	61.317	57.270	4.046	106,7	107,4	97,3
Dịch vụ du lịch lữ hành	18.275	16.450	1.825	112,5	113,4	104,9

Hoạt động du lịch: Doanh thu khách sạn và dịch vụ lữ hành 12 tháng 2014 ước đạt 24.792 tỷ đồng, chiếm 3,8% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ, tăng 9% so cùng kỳ.

2. Chỉ số giá

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 12 tiếp tục giảm với mức -0,36%, bằng mức giảm của tháng 11, trong đó có 5/11 nhóm ngành hàng giảm: Nhóm đồ uống và thuốc lá (-0,18%); Nhà ở điện nước (-0,95%); Nhóm giao thông (-3,56%); Văn hóa giải trí du lịch (-0,22%); Hàng hóa và dịch vụ khác (-0,06%), 5 nhóm hàng tăng nhẹ so tháng trước: Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+0,17%); Nhóm may mặc mũ nón giày dép (+0,14%); Nhóm thuốc và dịch vụ y tế (+0,06%); Nhóm bưu chính viễn thông (+0,70%), riêng nhóm giáo dục không biến động.

Chỉ số giá tháng 12

Đơn vị tính: %

	Tháng 12 so với tháng trước		Tháng 12 so với tháng 12 năm trước	
	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2013	Năm 2014
1. Chỉ số giá tiêu dùng	100,39	99,64	105,2	101,65
Trong đó: Lương thực	100,60	100,24	97,19	100,22
Thực phẩm	100,21	100,26	105,52	103,36
2. Chỉ số giá vàng	96,38	99,44	75,78	98,98
3. Chỉ số giá USD	100,23	100,53	101,60	101,11

Mức biến động tăng một số mặt hàng thực phẩm trong tháng: Thịt heo (-0,82%); Thịt gia cầm (-0,49%); Thịt chế biến (+23%); Trứng các loại (-0,18%), thủy sản tươi sống (+1,04%); thủy sản sản chế biến (+0,41%); nước mắm nước chấm (+0,14%); bơ sữa phomat (+0,05%); chè cà phê các loại (-0,28%); đậu hạt các loại (+0,73%); Rau các loại (+0,41%); trái cây các loại (-0,21%).

Nổi bật nhất trong tháng là giá nhiên liệu tiếp tục giảm với mức -5,55% do tác động 2 lần giảm giá xăng dầu (vào ngày 22/11 và ngày 6/12); giá cước vận tải khách giảm 1,97% cụ thể giá vé ô tô khách giảm 6,47%, cước taxi giảm 0,68%; giá gas giảm 5,55% đã tác động lên mức giảm của 2 nhóm ngành hàng là giao thông (giảm 3,56%) và nhà ở điện nước chất đốt (giảm 0,95%).

Mức tăng (+), giảm (-) giá tiêu dùng qua các tháng

Đơn vị tính: %

	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
So với tháng trước			
Tháng 1	+0,89	+0,44	+0,40
Tháng 2	+1,32	+1,00	+0,24
Tháng 3	+0,12	-0,29	-0,46
Tháng 4	+0,08	-0,33	-0,04
Tháng 5	+0,06	-0,16	+0,36
Tháng 6	-0,43	+0,12	+0,58
Tháng 7	-0,57	+0,17	+0,12
Tháng 8	+0,66	+0,31	+0,05
Tháng 9	+1,21	+3,13	+1,13
Tháng 10	+0,40	+0,17	-0,03
Tháng 11	+0,10	+0,17	-0,36
Tháng 12	+0,17	+0,39	-0,36
Tháng 12 so với tháng 12 năm trước	+4,07	+5,20	+1,65

Trong năm có 5 tháng giá giảm, 7 tháng giá tăng, mức tăng cao nhất vào tháng 9 do ảnh hưởng việc tăng học phí (+19,02%) và mức tăng thấp nhất vào tháng 8 (+0,05%), chỉ số giá các tháng của quý 4 đều giảm.

So với tháng 12/2013 chỉ số giá tiêu dùng tăng 1,65%, là năm có mức tăng thấp nhất kể từ năm 2009 (năm thay đổi quyền sở và rô hàng thu thập giá)

Bình quân 1 tháng trong năm 2014 giá tăng 0,14%, bình quân 1 tháng năm 2013 tăng 0,42%; của năm 2012 là 0,38%, năm 2011 là 1,23%.

Giá vàng giảm 0,56% so tháng 11, giảm 1,02% so tháng 12/2013; tỷ giá USD tăng 0,53% so tháng 11 và tăng 1,11% so tháng 12/2013.

VII. XUẤT NHẬP KHẨU

1. Xuất khẩu

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố tại các cửa khẩu trên cả nước tháng 12 ước đạt 3.030 triệu USD, tăng 17,6% so với tháng trước. Ước tính 12 tháng đạt 32.083,8 triệu USD, tăng 8,8% so cùng kỳ.

Loại trừ trị giá dầu thô, trị giá xuất khẩu 12 tháng ước đạt 24.903,9 triệu USD, tăng 11,9%.

Tình hình cụ thể của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố xuất qua cửa khẩu thành phố như sau:

Tổng kim ngạch xuất khẩu bao gồm dầu thô tháng 12 ước đạt 2.436,8 triệu USD, tăng 3,8% so tháng trước. Khu vực kinh tế trong nước 1.375,9 triệu USD, giảm 0,4% so với tháng trước; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 1.060,9 triệu USD, tăng 9,8%.

Ước tính cả năm đạt 29.216 triệu USD, tăng 8,3% (tăng 2.240,6 triệu USD); Nếu loại trừ dầu thô, tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 11,6%.

Trong đó:

- Kinh tế nhà nước chiếm 30,6%, tăng 5,2%. Nếu loại trừ dầu thô, tăng 38,3%.
- Kinh tế ngoài nhà nước chiếm 31%, tăng 7,4%
- Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 38,4%, tăng 11,7%.

Mức xuất khẩu của các thành phần kinh tế
(Không tính dầu thô)

	Kim ngạch (Triệu USD)		% so sánh	
	Tháng 12 2014	12 tháng 2014	Tháng 12 với tháng 11	12 tháng so cùng kỳ 2013
Tổng số	1.986,8	22.036,0	108,0	111,6
Kinh tế trong nước	925,9	10.822,3	105,9	111,5
Kinh tế Nhà nước	144,2	1.774,7	97,2	138,3
Kinh tế Ngoài nhà nước	781,7	9.047,6	107,7	107,4
Kinh tế có vốn nước ngoài	1.060,9	11.213,7	109,8	111,7

Chia theo nhóm hàng:

+ Nhóm hàng nông sản đạt 4.185,9 triệu USD; tăng 19,3% và chiếm tỷ trọng 19% (năm 2013 đạt 3.508,6 triệu USD, tăng 11,1% và chiếm 17,8%). Trong đó xuất khẩu gạo tăng cao cả về lượng và giá, chủ yếu là sự trở lại thị trường Philippin, tăng bằng 3,7 lần so năm trước.

+ Nhóm hàng thủy hải sản đạt 770,8 triệu USD, tăng 16%, chiếm tỷ trọng 3,5% (năm 2013 đạt 664,4 triệu USD, tăng 11,9%, chiếm 3,4%). Nhóm hàng này tăng ở hầu hết các thị trường và tăng mạnh nhất là thị trường Hàn Quốc tăng đến hơn 60%.

+ Nhóm hàng lâm sản đạt 517,9 triệu USD, tăng 20,7%, chiếm tỷ trọng 2,4%. (năm 2013 đạt 429 triệu USD, chiếm 2,2%). Các thị trường lớn như Mỹ, Hàn Quốc, Anh, Nhật đều tăng cao.

+ Nhóm hàng công nghiệp đạt 14.871,5 triệu USD, tăng 8,6% và chiếm tỷ trọng 67,5%. (năm 2013 đạt 13.697,9 triệu USD, tăng 10,2%, chiếm 69,4%). Trong đó nhóm hàng máy tính, sản phẩm điện tử chiếm tỷ trọng cao trong nhóm hàng công nghiệp (chiếm 19,5%) giảm 0,3% so năm trước (năm trước tăng 14,7%)

+ Nhóm hàng hóa khác đạt 1.690 triệu USD, tăng 16,6%, chiếm tỷ trọng 7,7% (năm 2013 đạt 1.449,1 triệu USD, tăng 10,5%, chiếm 7,3%).

Chia theo thị trường: Nhật Bản chiếm 14,3% trong tổng kim ngạch xuất khẩu, giảm 2,2% so năm trước, Mỹ chiếm 15,1%, tăng 1%; Trung Quốc chiếm 11,2%, tăng 35,6%. Australia chiếm 7,5%, tăng 15,5%...

Một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu so với cùng kỳ:

+ Gạo: 2.932 ngàn tấn, trị giá 1.374,7 triệu USD, chiếm tỷ trọng 6,2% trong tổng kim ngạch xuất khẩu không tính dầu thô, **tăng 46,3%**. Thị trường xuất chủ yếu sang Philippin, chiếm tỷ trọng 41,8%, tăng 3,7 lần so cùng kỳ; Kế đến là Trung Quốc chiếm 14,6%; Malaysia chiếm 8,1%; Indonesia chiếm 11%; Singapore chiếm 4,8%, Mỹ chiếm 3,6%...

+ Cà phê: 361,6 ngàn tấn, tăng 20%, trị giá 738,6 triệu USD, chiếm 3,4%, tăng 22,1%.

+ Thuỷ sản: 770,8 triệu USD, chiếm 3,5%, tăng 16%.

+ May mặc: 5.150,4 triệu USD, chiếm 23,4%, tăng 14,9%. Trong đó khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 46,7%, tăng 13,5%; khu vực trong nước chiếm 53,3%, tăng 16,1%. Thị trường chủ yếu vẫn là Mỹ chiếm 36,3%, Nhật 15,1%, Hàn Quốc 12,4%

+ Giày dép: 2.297 triệu USD, chiếm 10,4%, tăng 18,9%. Trong đó khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 81,4%, tăng 20,1%; khu vực trong nước chiếm 18,6%, tăng 13,6%.

+ Máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện: 2.905,4 triệu USD, chiếm 13,2%, giảm 0,3%. Khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 99,3%.

Riêng dầu thô xuất 9.274,1 ngàn tấn, trị giá 7.179,9 triệu USD, **chiếm 24,6%** trong tổng kim ngạch xuất khẩu, giảm 0,6% (lượng tăng 10,4%, giá bình quân giảm 10%).

2. Nhập khẩu

Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố tại các cửa khẩu trên cả nước tháng 12 ước đạt 2.899,7 triệu USD, tăng 10,1% so với tháng trước. Ước tính 12 tháng đạt 30.690,1 triệu USD, tăng 7,2% so cùng kỳ.

Tình hình cụ thể của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố nhập qua cửa khẩu thành phố như sau:

Tổng kim ngạch nhập khẩu tháng 12 ước đạt 2.520,6 triệu USD, tăng 10,1% so với tháng trước và tăng 5,3% so tháng cùng kỳ.

Ước tính 12 tháng đạt 25.440,7 triệu USD, giảm 2,2% so với cùng kỳ 2013. Kinh tế nhà nước chiếm 6,9%, giảm 43,7%; Kinh tế ngoài nhà nước chiếm 56,4%, tăng 1,8%; kinh tế có vốn nước ngoài chiếm 36,7%, tăng 6%.

Mức nhập khẩu của các thành phần kinh tế

	Kim ngạch (Triệu USD)		% so sánh	
	Tháng 12	12 tháng	Tháng 12 với tháng 11	12 tháng so cùng kỳ 2013
Tổng số	2.520,6	25.440,7	110,1	97,8
Kinh tế Nhà nước	129,7	1.759,7	115,0	56,3
Kinh tế Ngoài nhà nước	1.418,1	14.343,2	110,0	101,8
Kinh tế có vốn nước ngoài	972,7	9.337,8	109,7	106,0

Chia theo nhóm hàng:

+ Nhóm hàng nguyên nhiên vật liệu đạt 13.542,4 triệu USD, giảm 12,2%, chiếm tỷ trọng 53,2% (năm 2013 chiếm 59,3%). Trong nhóm hàng này giảm sâu nhất là mặt hàng đá quý và kim loại quý giảm 94,5%; linh kiện điện tử giá trị nhập 3.248,3 triệu USD, giảm 4,9%; phân bón giảm 28,5%.

+ Nhóm hàng máy móc thiết bị phụ tùng đạt 7.996,3 triệu USD, tăng 9,9%, chiếm 31,4% (năm 2013 chiếm 28%)

+ Nhóm hàng tiêu dùng đạt 1.414,5 triệu USD, tăng 10%, chiếm 5,6% (năm 2013 chiếm 4,9%)

+ Nhóm hàng hóa khác 2.487,4 triệu USD, tăng 22,7%, chiếm 9,8% (năm 2013 chiếm 7,8%)

Chia theo thị trường nhập khẩu: Thị trường Trung Quốc chiếm 20,1% trong tổng kim ngạch nhập khẩu, giảm 10,6% so cùng kỳ; Singapore chiếm 14%, tăng 68%; Hàn Quốc chiếm 7,1%, tăng 20,7%; Đài Loan chiếm 6,9%, tăng 13,2%; Nhật Bản chiếm 6,9%, tăng 11,1%; Thái Lan chiếm 5,6%, giảm 2,5%; Mỹ chiếm 5,3%, tăng 15,9%;...

Một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu trong 12 tháng năm 2014:

+ Sữa và sản phẩm sữa nhập khẩu 515,6 triệu USD, tăng 0,4%. Thị trường nhập chủ yếu là New Zealand, Mỹ, Singapore và Netherlands.

+ Nhiên liệu: về lượng ước nhập 541,1 ngàn tấn, tăng 14,5%, trị giá 501,7 triệu USD, tăng 13,9% là do giá bình quân giảm 0,5%. Thị trường chính Singapore, Đài Loan, Trung Quốc.

+ Vải và nguyên phụ liệu dệt, may, da giày nhập 3.147,8 triệu USD, tăng 13,2%. Các đối tác lớn như Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật, Hồng Kông.

+ Sắt thép đạt 1.428,4 triệu USD, tăng 28%. Thị trường chính là Trung Quốc, Nhật, Hồng Kông, Đài Loan.

+ Tân dược đạt 1.012,3 triệu USD, tăng 6,6%. Nhập khẩu chủ yếu từ Singapore, Pháp, Ấn Độ, Anh, Đức, Bỉ.

+ Dầu mỡ động thực vật đạt 315 triệu USD, tăng 11,6%.

+ Chất dẻo nguyên liệu đạt 1.630,2 triệu USD, tăng 7,4%.

VIII. VẬN TẢI

Tổng doanh thu vận tải hàng hóa và hành khách tháng 12 ước đạt 6.559,7 tỷ đồng, tăng 5,5% so với tháng trước và tăng 21,4% so với cùng kỳ 2013.

Ước tính 12 tháng đầu năm đạt 63.780,2 tỷ đồng, tăng 16,3% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó khu vực nhà nước chiếm 12,4%, tăng 11,4%; ngoài nhà nước chiếm 83,1%, tăng 18%, có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 4,5%, tăng 0,6%.

Doanh thu vận chuyển hàng hóa và hành khách 12 tháng đầu năm

	Doanh thu (tỷ đồng)		% so sánh 12 tháng với cùng kỳ 2013	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
Tổng số	44.681,3	19.098,9	117,4	113,7
<i>*Phân theo khu vực kinh tế</i>				
Kinh tế nhà nước	6.601,2	1.323,2	113,2	103,0
Kinh tế ngoài nhà nước	37.833,5	15.143,9	118,4	117,2
Kinh tế có vốn nước ngoài	246,5	2.631,8	92,8	101,4
<i>*Phân theo phương tiện vận tải</i>				
Trong đó : Đường bộ	24.713,0	16.477,5	118,8	115,9
Đường sông	4.251,7	367,0	117,8	125,5
Đường biển	15.650,2		115,3	
Hàng không	66,5	2.254,5	91,1	98,0

* **Vận tải hàng hóa:** Doanh thu 44.681,3 tỷ đồng, tăng 17,4% so cùng kỳ. Vận tải đường bộ chiếm 55,3%, tăng 18,8%. Vận tải đường biển chiếm 35%, tăng 15,3%.

* **Vận tải hành khách:** Doanh thu ước đạt 19.098,9 tỷ đồng, tăng 13,7% so cùng kỳ. Vận tải đường bộ chiếm 86,3%, tăng 15,9%, đường hàng không chiếm 11,8%, giảm 2%.

IX. TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

1. Tài chính:

Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước 12 tháng ước thực hiện 249.866 tỷ đồng, vượt 10,4% dự toán, tăng 10,3% so cùng kỳ. Trong đó thu nội địa 132.216 tỷ đồng, vượt 6,5% dự toán, tăng 11,3% so cùng kỳ; thu từ dầu thô 31.150 tỷ đồng, vượt 14,1% dự toán, tăng 0,1% so cùng kỳ; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 86.500 tỷ đồng, vượt 15,6% dự toán, tăng 12,8%.

Thu ngân sách trên địa bàn

	Năm 2014 (Tỷ đồng)		% thực hiện 12 tháng năm 2014 so với	
	Dự toán	Ước TH 12 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2013
Tổng thu	228.340	251.877	110,3	110,2
Tổng thu cân đối ngân sách NN	226.300	249.866	110,4	110,3
I- Thu nội địa	124.200	132.216	106,5	111,3
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	23.950	26.680	111,4	103,3
2. Khu vực ngoài nhà nước	29.500	30.076	102,0	103,4
3. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	33.745	36.412	107,9	122,9
II- Thu hoạt động xuất nhập khẩu	74.800	86.500	115,6	112,8
III- Thu từ dầu thô	27.300	31.150	114,1	100,1

Thu từ doanh nghiệp nhà nước 12 tháng ước thực hiện 26.680 tỷ đồng, chiếm 20,2% tổng thu nội địa, tăng 3,3% so cùng kỳ. Trong đó: Doanh nghiệp nhà nước trung ương ước thực hiện 16.309 tỷ đồng, vượt 13,6% dự toán, tăng 7,9%; Doanh nghiệp nhà nước địa phương 10.371 tỷ đồng, vượt 8% dự toán, giảm 3%. Thu từ khu vực ngoài nhà nước 30.076 tỷ đồng, chiếm 22,7%, tăng 3,4%. Thu từ khu vực đầu tư nước ngoài đạt 36.412 tỷ đồng, chiếm 27,5%, tăng 22,9%. Thu khác đạt 39.048 tỷ đồng, tăng 14,1%; trong đó thuế thu nhập cá nhân 17.647 tỷ đồng, tăng 1,5%, thu tiền sử dụng đất 8.200 tỷ đồng, tăng 36,9%.

Thu ngân sách nhà nước địa phương (không tính ghi thu, ghi chi, thu kết dư, thu chuyển nguồn) 12 tháng ước đạt 53.580 tỷ đồng, vượt 30,3% dự toán, tăng 18,3% so cùng kỳ năm 2013.

Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) 12 tháng ước thực hiện 48.461,2 tỷ đồng, vượt 15,4% dự toán, giảm 4,3% so cùng kỳ.

Chi ngân sách địa phương

	Năm 2014 (Tỷ đồng)		% thực hiện 12 tháng năm 2014 so với	
	Dự toán	Ước TH 12 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2013
Tổng chi (trừ tạm ứng)	41.979,3	48.461,2	115,4	95,7
Trong đó:				
I- Chi đầu tư phát triển	11.145,9	19.155,9	171,9	112,6
II- Chi thường xuyên	29.500,0	28.544,1	96,8	107,8
Trong đó:				
Sự nghiệp kinh tế	4.080,3	3.948,2	96,8	107,8
Sự nghiệp giáo dục đào tạo	8.296,2	8.102,0	97,7	107,6
Sự nghiệp y tế	3.269,7	3.100,5	94,8	95,7
Quản lý hành chính	4.608,4	4.513,1	97,9	103,7

Chi đầu tư phát triển 19.155,9 tỷ đồng, vượt 71,9% dự toán, tăng 12,6% so cùng kỳ. Chi thường xuyên đạt 28.544,1 tỷ đồng, giảm 3,2% so cùng kỳ; trong đó, chi sự nghiệp kinh tế 3.948,2 tỷ đồng, tăng 7,8%; chi sự nghiệp giáo dục đào tạo 8.102 tỷ đồng, tăng 7,6%; chi sự nghiệp y tế 3.100,5 tỷ đồng, giảm 4,3%; chi quản lý hành chính 4.513,1 tỷ đồng, tăng 3,7%; chi đảm bảo xã hội tăng 25,6%; chi sự nghiệp nghiên cứu khoa học tăng 43,9%.

Tổng chi ngân sách nhà nước địa phương kể cả tạm ứng 12 tháng ước 65.704 tỷ đồng, vượt 56,5% dự toán, giảm 3% so cùng kỳ.

2. Tín dụng ngân hàng

- Tổng vốn huy động trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 12 đạt 1.289,7 nghìn tỷ đồng, tăng 2,0% so với tháng trước (chỉ số này tháng trước: +1,2%); so với tháng cùng kỳ tăng 14,3%. Vốn huy động của các Ngân hàng Thương mại cổ phần chiếm 55,7% tổng vốn huy động, tăng 12,8% so tháng cùng kỳ. Vốn huy động bằng ngoại tệ chiếm 15,7% tổng vốn huy động, tăng 12,0% so tháng cùng kỳ; vốn huy động VNĐ chiếm 84,3% tổng vốn huy động, tăng 14,8% so tháng cùng kỳ. Tiền gửi tiết kiệm chiếm 54,9%, tăng 14,5% so với tháng cùng kỳ.

- Tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 12 đạt 1.037,9 nghìn tỷ đồng, tăng 1,3% so với tháng trước, thấp hơn chỉ số của tháng 11 (+1,4%); so với tháng 12/2013 tăng 8,9%; so với tháng cùng kỳ dư nợ tăng 11,5%.

Dư nợ tín dụng của các Ngân hàng Thương mại cổ phần đạt 577,8 ngàn tỷ đồng, chiếm 55,7% tổng dư nợ, tăng 12,9% so tháng cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng ngoại tệ đạt 165,3 ngàn tỷ đồng, chiếm 15,9% tổng dư nợ, tăng 11,2% so tháng cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng VNĐ đạt 872,6 ngàn tỷ đồng, chiếm 84,1% tổng dư nợ, tăng 11,5% so tháng cùng kỳ. Dư nợ tín dụng trung, dài hạn chiếm 51,4%, tăng 25,8% so tháng cùng kỳ. Dư nợ tín dụng ngắn hạn chiếm 48,6%, giảm 0,5% so tháng cùng kỳ.

3- Thị trường chứng khoán

Đến cuối tháng 11/2014, tổng số mã chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 306 gồm 304 mã cổ phiếu, 1 mã chứng chỉ quỹ và 1 mã quỹ ETF, tăng 1 mã chứng khoán so với tháng 09/2014 (ngày 03/10/2014 mã cổ phiếu QBS của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình giao dịch ngày đầu tiên). Giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết là 1.020.047,49 tỷ đồng, tăng 21,1% so với cuối năm 2013. Trong tháng

11/2014 có 20 phiên giao dịch, 7 phiên tăng điểm và 13 phiên giảm điểm. Trong tháng này, VN-Index có số phiên giảm điểm nhiều hơn đáng kể so với số phiên tăng điểm và tập trung ở nửa cuối tháng nên kết thúc tháng với sự sụt giảm mạnh. Đến cuối tháng, VN-Index đạt 566,58 điểm, giảm 22,56 điểm (tương ứng giảm 3,8%) so với cuối tháng trước và tăng 61,95 điểm (tương ứng tăng 12,3%) so với cuối năm trước.

Khối lượng giao dịch của tháng 11/2014 đạt 2.698,60 triệu chứng khoán, giảm 13,8% so với tháng 10/2014. Giá trị giao dịch của tháng đạt 47.381,83 tỷ đồng, giảm 15,1% so tháng 10/2014. Trung bình mỗi phiên có 134,93 triệu chứng khoán được chuyển nhượng với giá trị 2.369,09 tỷ đồng. Khối lượng giao dịch trung bình mỗi phiên giảm 0,9% và giá trị giao dịch giảm 2,4% so với tháng 10/2014.

Trong năm 2014, VN-Index đạt mức thấp nhất vào ngày 02/01 với 504,51 điểm và đạt mức cao nhất vào ngày 03/09 với 640,75 điểm.

Giao dịch chứng khoán trên thị trường niêm yết

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 11/2014	11 tháng năm 2014	Tháng 11 so tháng 10	11 tháng so cùng kỳ
Tổng khối lượng giao dịch (triệu CK)	2.698,60	27.877,00	86,2	195,8
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	2.688,39	27.829,71	86,1	197,1
Trái phiếu	4,55	28,95	-	80,4
Chứng chỉ quỹ & ETF	5,66	18,34	54,0	21,0
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	2.499,57	26.046,56	84,7	200,5
Giao dịch thỏa thuận	199,03	1.830,44	110,0	146,5
Tổng giá trị giao dịch (tỷ đồng)	47.381,83	487.356,63	84,9	206,7
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	46.868,34	484.481,62	84,1	209,1
Trái phiếu	456,98	2.691,64	-	84,4
Chứng chỉ quỹ & ETF	56,51	183,37	53,3	20,2
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	42.128,27	427.651,51	82,1	218,9
Giao dịch thỏa thuận	5.253,56	59.705,12	116,1	147,6

Cập nhật đến ngày 15/12/2014, tổng số chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 308 chứng khoán. Giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết là 990.741,66 tỷ đồng, tăng 17,6% so với cuối năm 2013. VN-Index tại ngày 15/12 đạt 547,93 điểm, tăng 43,30 điểm so với cuối năm 2013 (tương ứng tăng 8,6%).

X. DÂN SỐ, LAO ĐỘNG VIỆC LÀM VÀ HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA - XÃ HỘI

1. Dân số, lao động việc làm:

Dân số bình quân trên địa bàn thành phố năm 2014 ước hiện có 8.047,7 ngàn người, tăng 1,36% so với năm 2013.

Dự ước trong tháng 12/2014 các khu vực kinh tế trên địa bàn thành phố thu hút và giải quyết việc làm cho 23,9 ngàn lượt lao động, trong đó lao động có việc làm ổn định là 16,3 ngàn người, số chỗ việc làm mới tạo ra là 10,7 ngàn chỗ. Như vậy, năm 2014 thành phố đã thu hút và giải quyết việc làm 290 ngàn lượt người, vượt 9,45% kế hoạch

năm, giảm 1,1% so với năm 2013. Số chỗ việc làm mới được tạo ra trong năm là 121,4 ngàn, vượt 1,2% kế hoạch năm, giảm 1,3% so với năm trước.

Bảo hiểm thất nghiệp: Tính từ 02/01 đến 21/11, trên địa bàn thành phố có 107,9 ngàn người lao động đến Trung tâm giới thiệu việc làm thành phố đăng ký thất nghiệp, trong đó có 100,6 ngàn người nộp hồ sơ hưởng bảo hiểm thất nghiệp. Đã có 99 ngàn người đã nhận quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp. Số người được tư vấn, giới thiệu việc làm là 103,5 ngàn người; Số người được hỗ trợ học nghề là 10,3 ngàn người.

2. Hoạt động văn hóa:

Năm 2014, các lễ hội đã được tổ chức tưng bừng đầy màu sắc theo phong tục cổ truyền mang ý nghĩa tinh thần sâu sắc, các hoạt động kỷ niệm, tuyên truyền, cổ động chính trị luôn gắn với tinh thần giáo dục lòng yêu nước, truyền thống lịch sử của dân tộc. Ban chỉ đạo phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” Thành phố đã kịp thời xây dựng, bổ sung để triển khai thực hiện sâu rộng các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương và của Thành phố tạo ra sự thống nhất về nhận thức, về công tác lãnh đạo, chỉ đạo. Sự phối hợp chặt chẽ của các ban, ngành, đoàn thể, thành viên Ban Chỉ đạo các cấp trong quá trình triển khai thực hiện phong trào ngày càng có chất lượng và hiệu quả hơn. Thành phố tích cực theo dõi, phối hợp kiểm tra việc tổ chức công nhận phường đạt chuẩn văn minh đô thị, xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, trong năm đã có 127/322 phường xã được ghi nhận, trong đó có 40 phường xã được công nhận.

Về văn hoá quần chúng: Trung tâm văn hóa thành phố đã phối hợp các Trung tâm văn hóa quận huyện tổ chức nhiều hoạt động thu hút đông đảo quần chúng tham gia như hội thi nấu bánh tét truyền thống, biểu diễn cờ người, Lân Sư Rồng, các hoạt động thể dục thể thao, viết thư pháp, ca kịch Quảng Đông và các trò chơi dân gian, hội thi karaoke, tổ chức chiếu phim, các chương trình văn nghệ tạp kỹ, các trò chơi dân gian, chợ hoa... Bên cạnh đó, Trung tâm Văn hóa Thành phố đã đại diện Thành phố tham dự 04 cuộc Liên hoan, Hội diễn cấp quốc gia gồm: Liên hoan Đờn ca tài tử toàn quốc lần thứ I tại tỉnh Bạc Liêu. Liên hoan Tiếng hát miền Đông năm 2014. Liên hoan Ca trù toàn quốc năm 2014. Liên hoan Hát ru, dân ca cổ truyền toàn quốc năm 2014 và 01 cuộc Liên hoan do tỉnh thành tổ chức (Liên hoan Đờn ca Tài tử Nam Bộ tỉnh Long An lần thứ XX – 2014. Trung tâm cũng đã tổ chức 03 cuộc Liên hoan cấp Thành phố (Liên hoan Văn nghệ thiếu nhi hè, Liên hoan Giai điệu quê hương, Hội thi ứng phó biến đổi khí hậu) và Chương trình văn nghệ kỷ niệm Ngày thương binh liệt sĩ 27-7 cùng nhiều hoạt động phục vụ các xã xây dựng Nông thôn mới như tổ chức lớp tập huấn kỹ năng về Đờn ca tài tử và Trò chơi dân gian...

- **Biểu diễn nghệ thuật:** Trong năm 2014 các đơn vị nghệ thuật ước thực hiện 1.856 suất diễn (Trung tâm Tổ chức Biểu diễn và Điện ảnh: 612 suất, 410,9 ngàn lượt người xem. Nhà hát Nghệ thuật Hát Bội: 180 suất, 94,2 ngàn lượt người xem. Nhà hát Nghệ thuật Phương Nam: 608 suất, 268,9 ngàn lượt người xem; Trung tâm Ca nhạc nhẹ: 94 suất, 217,7 ngàn lượt người xem; Nhà hát Kịch Thành phố: 81 suất, 36 ngàn lượt người xem, Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang: 132 suất, 128 ngàn lượt người xem; Nhà hát Ca múa nhạc dân tộc Bông Sen: 85 suất, 71 ngàn lượt người xem...). Sở đã tổ chức 547 suất biểu diễn phục vụ vùng sâu, vùng xa, ngoại

thành, trường trại, thu hút hơn 263,1 ngàn lượt người xem (trong đó, có 26 suất phục vụ trường trại, 2,6 ngàn lượt người xem và 521 suất phục vụ ngoại thành, vùng xa, 260,5 ngàn lượt người xem).

- Hoạt động thư viện : Năm 2014, đã có 1.675,7 ngàn lượt bạn đọc, tăng 16% so với năm 2013, đạt 167% kế hoạch năm. Thư viện Khoa học Tổng hợp đã tổ chức 21 đợt triển lãm sách, đã phục vụ lưu động 49 chuyến. Phối hợp với các nhà xuất bản sách và Bảo tàng Thành phố tổ chức chương trình ngày hội đọc sách, nhằm hưởng ứng Ngày Sách Việt Nam lần thứ nhất (21/4) và Ngày Sách và Bản quyền thế giới (23/4) với chủ đề “Mỗi cuốn sách một giấc mơ”. Ngày hội đọc sách đã thu hút 16,6 ngàn lượt bạn đọc, 43,6 ngàn lượt tài liệu. Bên cạnh đó Thư viện Khoa học Tổng hợp tham gia phục vụ Lễ hội Đường sách lần thứ V và đã thu hút trên 152,8 ngàn lượt bạn đọc, phục vụ 305,7 ngàn lượt tài liệu...

- Hoạt động bảo tàng: Trong năm 2014, các bảo tàng trực thuộc Sở đã tổ chức được 200 cuộc trưng bày, triển lãm, tổng số khách tham quan ước đạt 2.850 ngàn lượt (tăng 2,3% so với cùng kỳ năm trước), khách nước ngoài ước đạt 760 ngàn lượt (tăng 1,5%). Hoạt động dịch vụ tại các bảo tàng thời gian qua được tổ chức đúng yêu cầu theo định hướng của ngành, đáp ứng nhu cầu phục vụ du khách và còn tăng thêm nguồn thu, nâng cao chất lượng hoạt động của khối bảo tàng.

- Hoạt động thanh, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính:

Năm 2014 các đoàn thanh, kiểm tra trên địa bàn thành phố đã tiến hành kiểm tra, xử lý 397 tổ chức, cá nhân vi phạm trong hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hóa, tổng số tiền phạt là 6,4 tỷ đồng và nhiều tang vật, vật phẩm văn hóa, tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh đối với 2 cơ sở.

Đoàn Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội thành phố kiểm tra tại 102 cơ sở kinh doanh trong lĩnh vực văn hóa – xã hội, lập biên bản xử lý 82 cơ sở vi phạm hành chính với số tiền phạt là 6 tỷ đồng, tịch thu nhiều tang vật, vật phẩm văn hóa... Thanh tra Sở Văn hóa đã tham mưu UBND Thành phố ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 26 tổ chức, cá nhân với số tiền 1,6 tỷ đồng.

3. Thể dục thể thao

Thể dục thể thao cộng đồng: Năm 2014, phong trào thể dục thể thao quần chúng đã trở thành thói quen và nếp sinh hoạt thường xuyên của khá đông nhân dân thành phố. Hoạt động thi đấu kết hợp với các lễ hội, các ngày lễ kỷ niệm lớn ngày càng phát triển, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia, đồng thời thu hút ngày càng nhiều các doanh nghiệp, nhà tài trợ. Các quận, huyện đã kết hợp với các cơ quan hữu quan trên địa bàn đã tổ chức nhiều giải thể thao, trò chơi vận động, biểu diễn Lân – Sư – Rồng... chào mừng các ngày lễ lớn. Một số hoạt động đáng chú ý như: Vòng chung kết giải Thể thao Sinh viên Việt Nam, cuộc đua Xích lô từ thiện "Saigon Cyclo Challenge 2014"; chương trình chạy bộ "RMIT Viet Nam Fun Run 2014"; giải bán Marathon “Cuộc đua mùa xuân” năm 2014, Festival bóng rổ trường học năm 2014... Bên cạnh đó, Ngành Thể thao thành phố đã xây dựng Kế hoạch tổ chức cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” giai đoạn từ nay đến năm 2020.

Giải thể thao Người khuyết tật thành phố năm 2014 tiếp tục được tổ chức với 4 môn thể thao (Bóng đá khiếm thị, Bóng đá thiếu năng, Judo khiếm thị, Bocce cho trẻ thiếu năng) đã thu hút được trên 200 VĐV thuộc 18 đơn vị tham dự. Tại Hội thao người khuyết tật toàn quốc 2014, Đoàn vận động viên thể thao khuyết tật thành phố tiếp tục giữ vững vị trí nhất toàn đoàn với 269 HCV, 274 HCB, 168 HCD. Đồng thời đóng góp cho đoàn Thể thao Việt Nam tham dự Asian Para Games 2 với 9 cán bộ, 8 HLV và 28 VĐV góp phần mang về 8 HCV, 6 HCB, 8 HCD cho đoàn thể thao Việt Nam.

Thể thao thành tích cao: Để chuẩn bị lực lượng tham dự các giải thể thao toàn quốc và quốc tế chính thức, đóng góp lực lượng cho Đội tuyển quốc gia tham dự Asiad lần thứ 17, Olympic trẻ lần II tại Trung Quốc năm 2014, Đại hội Thể thao biển châu Á 2014 tại Thái Lan... Thành phố đã triển khai tổ chức giải thi đấu các cấp, tuyển chọn cử vận động viên tập huấn, thi đấu trong và ngoài nước. Cụ thể:

- Tập huấn Quốc gia: triệu tập 29 HLV, 135 VĐV vào đội dự tuyển quốc gia. 19 HLV, 85 VĐV vào đội trẻ quốc gia.

- Tập huấn trong nước: đã tổ chức tập huấn cho 382 HLV, 1.932 VĐV, 07 chuyên gia ở 37 bộ môn.

- Tập huấn nước ngoài: tổ chức tập huấn cho 21 HLV, 126 VĐV thuộc 10 bộ môn.

Tham gia thi đấu các giải:

- Trong nước: Cử 566 HLV, 3.340 VĐV, 16 chuyên gia, 73 trọng tài tranh tài ở 43 môn thể thao tham dự giải toàn quốc. Đạt được: 599 HCV, 468 HCB, 525 HCD.

- Quốc tế: Cử 116 HLV, 533 VĐV, 11 chuyên gia và 11 trọng tài thuộc 28 môn thể thao tham dự các giải thi đấu quốc tế và đạt thành tích: 85 HCV, 72 HCB, 67 HCD.

Tổ chức hệ thống thi đấu thành phố và đăng cai toàn quốc, quốc tế:

- Giải Thành phố: tổ chức 96 giải Thành phố, trong đó có 23 giải trong nội dung thi đấu của Đại hội Thể dục Thể thao Thành phố lần VII – 2014.

- Đăng cai tổ chức 21 giải toàn quốc.

- Đăng cai 16 giải Quốc tế, giao hữu.

4. Y tế

* **Tình hình dịch bệnh:** (từ đầu năm đến 15/10/2014)

- **Bệnh sốt xuất huyết:** Số ca phát hiện là 6.061 ca, tăng 4,2% so cùng kỳ năm 2013. Có 5 ca tử vong, không tăng không giảm so cùng kỳ. Trong 9 tháng đầu năm đã có 3.150 ca xuất viện.

- **Bệnh tay chân miệng:** Số ca mắc bệnh đã phát hiện 7.753 ca, tăng 29,8% so với cùng kỳ năm trước; có 1 ca tử vong. Số ca xuất viện trong 9 tháng đầu năm là 5.382 ca. Các ca bệnh tập trung chủ yếu ở các quận vùng ven và các huyện ngoại thành có dân nhập cư đông, điều kiện môi trường chưa tốt, ý thức phòng ngừa bệnh của người dân còn thấp.

- **Các bệnh truyền nhiễm khác:** trong khả năng kiểm soát, không xuất hiện ổ dịch.

*** Vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP):**

- Trong 10 tháng đầu năm trên địa bàn thành phố đã xảy ra 03 vụ ngộ độc thực phẩm tập thể, tăng 01 vụ so với cùng kỳ năm trước, với 412 người mắc, tăng 39,5% (+240 người) so với cùng kỳ năm trước.

- Công tác kiểm tra, thanh tra: Đã tiến hành thanh kiểm tra 34.987 cơ sở, phát hiện 2.695 cơ sở vi phạm VSATTP, lập biên bản xử phạt 1.370 cơ sở với tổng số tiền trên 6 tỷ đồng, cảnh cáo là 961 cơ sở, đình chỉ hoạt động 7 cơ sở, buộc 276 cơ sở tiêu hủy sản phẩm, số cơ sở còn lại tiếp tục xử lý. Số lượng sản phẩm tiêu hủy: 2.264 con gia cầm, 114 con gia súc, 2.677 kg thực phẩm các loại và 4.147 quả trứng gia cầm.

*** Công tác khám chữa bệnh và điều trị:**

Năm 2014, Ngành Y tế Thành phố ước thực hiện khám và điều trị cho khoảng 29 triệu lượt bệnh nhân. Tổng số lượt bệnh nhân điều trị nội trú dự ước 1,4 triệu lượt bệnh nhân. Số lượt khám chữa bệnh thực hiện đạt và vượt so với kế hoạch cũng như so với cùng kỳ năm trước.

5. Giáo dục

Tình hình giáo dục đầu năm học 2014 – 2015:

Để tăng cường cơ sở vật chất đầy đủ, đảm bảo về cơ bản chỗ học cho học sinh, đầu năm học 2014 – 2015 thành phố đã xây dựng thêm và đưa vào sử dụng 1.527 phòng học (trong đó, mầm non: 156 phòng, tiểu học: 620 phòng ; trung học cơ sở: 461 phòng, trung học phổ thông: 235 phòng, GDTX: 25 phòng; GDCB: 30 phòng).

+ Mầm non: toàn thành phố có 939 trường mẫu giáo, mầm non tăng 7,9% (tăng 69 trường) so với năm học trước. Số phòng học 13.373 phòng, tăng 7,5%. Số lớp học 11.742 lớp, tăng 6,3%. Số giáo viên 19.548 người, tăng 8,9%. Số trẻ em đi nhà trẻ, mẫu giáo 321.670 em, tăng 4% so với năm học trước. Sĩ số học sinh/lớp giảm từ 28 xuống còn 27,4.

+ Phổ thông: toàn thành phố có 938 trường phổ thông, tăng 16 trường so với năm học trước. Số phòng học 26.250 phòng, tăng 0,9%. Số lớp học 27.901 lớp, tăng 3%. Số giáo viên 48.488 người, tăng 3,2%. Số học sinh là 1.122.447 người, tăng 3,6%. Huy động 99,5% học sinh hoàn thành Tiểu học vào lớp 6 và 88% học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở vào học lớp 10.

6. Tình hình trật tự an toàn xã hội (Từ 16/11/2013 đến 15/11/2014)

*** Vi phạm kinh tế và môi trường**

Số vụ vi phạm kinh tế đã phát hiện và xử lý trong năm là 1.725 vụ, 1.515 đối tượng vi phạm, giá trị hàng hóa tang vật trên 137 tỷ đồng, thu nộp ngân sách nhà nước trên 63 tỷ đồng.

Trong năm đã phát hiện 727 vụ vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường, Đã xử lý hành chính 555 vụ, nộp ngân sách nhà nước trên 31,7 tỷ đồng.

* **Phạm pháp hình sự:** Trong năm 2014, đã xảy ra 6.381 vụ phạm pháp hình sự, tăng 2,6% (+163 vụ) so với năm trước, làm chết 98 người, bị thương 841 người, thiệt hại tài sản khoảng 112 tỷ đồng. Số vụ phạm pháp hình sự tính trên 10.000 dân chiếm tỷ lệ 7,5%, tăng 0,2% so với năm 2013. Số vụ phạm pháp hình sự đã được điều tra khám phá là 4.248 vụ (đạt 66,6%), triệt phá 879 băng nhóm tội phạm, bắt 2.142 tên.

* **Tình hình hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội**

+ **Ma túy:** Số vụ vi phạm trên địa bàn thành phố trong năm 2014 là 1.662 vụ, bắt giữ 3.350 người mua bán, tàng trữ và sử dụng trái phép các chất ma túy. Khởi tố 1.253 vụ với 1.742 bị can, xử phạt hành chính 409 vụ với 1.608 đối tượng, lập hồ sơ chuyển giao cho trung tâm cai nghiện, cơ sở chữa bệnh và giáo dục tại phường/xã là 532 hồ sơ.

Công tác chuyển hóa địa bàn trọng điểm về ma túy cũng được ngành công an chú trọng triển khai, nâng cao vai trò tham mưu chính quyền cơ sở thực hiện đề án “xây dựng xã, phường, thị trấn trọng điểm về ma túy”. Kết quả đã chuyển hóa được 38/204 địa bàn các loại. Ngoài ra, Công an thành phố chú trọng phối hợp với các sở ngành liên quan tổng rà soát, thống kê người nghiện trên địa bàn thành phố (hiện đã hoàn tất công tác thu thập, nhập số liệu người nghiện ma túy trên địa bàn thành phố).

+ **Mại dâm và tệ nạn xã hội khác:** Đã triệt phá 58 ổ mại dâm, xử lý 338 đối tượng tổ chức môi giới và gái mại dâm. Công an thành phố đã tăng cường công tác quản lý đối tượng, đăng ký, quản lý nhân hộ khẩu, quản lý người nước ngoài, Việt kiều, đã tiến hành gọi hỏi răn đe giáo dục 21.769 đối tượng; Chuyển cho ngành thương binh xã hội cải tạo tập trung 439 đối tượng lang thang; Kiểm tra 55.887 hộ dân, khách sạn, nhà trọ,... lập 74.823 biên bản xử lý các trường hợp vi phạm tạm trú; xử lý 1.231 trường hợp người nước ngoài quá hạn cư trú, không giấy tờ tùy thân, trộm cắp, gây mất trật tự công cộng, buộc xuất cảnh 115 trường hợp.

+ **Cờ bạc, cá độ:** Đã lập hồ sơ xử lý 668 vụ tổ chức cờ bạc với 3.415 người tham gia, thu giữ trên 5,7 tỷ đồng và nhiều tang vật khác.

* **Trật tự an toàn giao thông**

+ **Tai nạn giao thông đường bộ:** Đã xảy ra 4.359 vụ tai nạn giao thông đường bộ, giảm 2% (-89 vụ) so với cùng kỳ năm 2013; làm chết 710 người, bị thương 4.081 người, trong đó có 3.500 vụ va chạm, bị thương nhẹ 3.761 người và 859 vụ tai nạn từ ít nghiêm trọng trở lên. Lập biên bản xử lý hành chính 636,5 ngàn trường hợp vi phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ, ra quyết định phạt 527,7 ngàn trường hợp, nộp kho bạc Nhà nước trên 257,5 tỷ đồng. Tước giấy phép lái xe gần 73 ngàn trường hợp, tạm giữ 64,1 ngàn xe vi phạm các loại.

+ **Tai nạn đường sắt:** Đã xảy ra 02 vụ tai nạn, làm chết 02 người, giảm 06 vụ so với năm 2013.

+ **Tai nạn đường thủy:**

Đường thủy trên tuyến thủy nội địa: Đã xảy ra 14 vụ (có 08 vụ va chạm), chết 01 người, thiệt hại tài sản khoảng 209 triệu đồng.

Đường thủy trên tuyến hàng hải: Đã xảy ra 07 vụ tai nạn (có 03 vụ va chạm), không thiệt hại về người, thiệt hại về tài sản khoảng 70 triệu đồng.

* **Về tình hình cháy, nổ:** Năm 2014 trên địa bàn thành phố đã xảy ra 295 vụ cháy, giảm 303 vụ (-50,7%) so với cùng kỳ năm 2013; làm chết 18 người, tăng 5 người so với năm trước, bị thương 20 người, giảm 4 người so với năm 2013, thiệt hại về tài sản trị giá khoảng 43 tỷ đồng (trong đó còn 15 vụ chưa ước tính được thiệt hại).

Ngoài ra còn xảy ra 14 vụ tự đốt gây cháy, tăng 04 vụ so với năm trước, làm chết 05 người, tăng 04 người; bị thương 07 người, tăng 06 người. Thiệt hại về tài sản ước khoảng 6,3 triệu (trong đó 02 vụ chưa ước tính được thiệt hại).

- Trong năm 2014, đã xảy ra 06 vụ nổ, giảm 02 vụ so với năm trước, làm chết 08 người, giảm 05 người; bị thương 07 người, tăng 06 người. Thiệt hại về tài sản ước khoảng 154 triệu đồng (có 04 vụ chưa ước tính được thiệt hại).

7. Công tác giảm nghèo

Tính đến 30/11, trên địa bàn thành phố còn khoảng 47.684 hộ nghèo (theo chuẩn thu nhập mới, dưới 16 triệu đồng/người/năm - Theo quyết định số 03/2014/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành chuẩn hộ nghèo) chiếm tỷ lệ 2,43% tổng số hộ dân và đang tiếp tục ra soát bổ sung. Dự ước đến cuối năm 2014 tỷ lệ hộ nghèo của thành phố sẽ giảm còn 1,65%. Theo chuẩn quốc gia giai đoạn 2011-2015 về hộ nghèo và cận nghèo, thành phố không còn hộ nghèo.

Quỹ xóa đói giảm nghèo: Tổng quỹ có 280,9 tỷ đồng, đang trợ vốn cho 31.757 hộ nghèo và 132 cơ sở sản xuất kinh doanh thu nhập 1.599 lao động nghèo với tổng số tiền 229,2 tỷ đồng.

Thực hiện chính sách ưu đãi xã hội cho người nghèo – hộ nghèo, các ngành chức năng của thành phố đã lập danh sách và cấp phát 219.151 thẻ BHYT cho người nghèo- người cận nghèo (theo chuẩn nghèo của thành phố), miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2013-2014 cho 47.716 lượt học sinh thuộc diện hộ nghèo, với số tiền 17,7 tỷ đồng. Đào tạo nghề ngắn hạn cho 1.799 lao động nghèo và giới thiệu việc làm cho 8.785 lao động nghèo và đưa 28 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài...

8. Công tác xây dựng nông thôn mới: Tổ chức đoàn kiểm tra kế hoạch hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn mới năm 2014 tại 5 huyện nhằm nắm bắt tình hình thực tế, từ đó đưa ra kế hoạch tổ chức các hoạt động và đầu tư trang thiết bị văn hóa, thể thao phù hợp với nhu cầu của từng địa phương. Tham gia đoàn khảo sát của Ban Chỉ đạo chương trình xây dựng nông thôn mới của Thành ủy tại 05 xã: Phước Kiển (Nhà Bè), Nhị Bình (Hóc Môn), Bình Khánh (Cần Giờ), Trung An (Củ Chi), Bình Chánh (Bình Chánh). Thành phố đã tổ chức bàn giao 130 thiết bị âm thanh ánh sáng cho Trung tâm Văn hóa 05 huyện và 56 bộ loa di động cho 56 xã xây dựng nông thôn mới, in ấn và phát hành 1.500 cuốn cẩm nang hướng dẫn trò chơi dân gian, trang bị phần mềm Libol quản lý và sử dụng thư viện điện tử tại 5 huyện, kết nối mạng giữa 5 huyện với thư viện thành phố, trang bị sách cho Trung tâm văn hóa 15 xã với 7.485 cuốn của 4.755 nhan đề và trang bị mới Phòng đọc sách cho khu công nghiệp Hiệp Phước huyện Nhà Bè với 632 cuốn của 500 nhan đề, 02 máy tính, 01 máy in, 04 kệ sách và 20 giá chắn sách, trang bị 06 bộ khung

triển lãm lưu động (150 vách) cho các Đội tuyên truyền lưu động tại 05 huyện và Bộ đội Biên phòng Thành phố. Tổ chức 02 cuộc thi ảnh: Liên hoan bộ ảnh tư liệu 56 xã xây dựng nông thôn mới, Liên hoan ảnh thời sự nghệ thuật “Nông thôn mới Thành phố-Diện mạo mới, sức sống mới” có 43 tác giả với 525 ảnh tham gia. Góp ý tiêu chí 06 và 16 trong bộ tiêu chí nông thôn mới theo đặc thù nông thôn đô thị Thành phố Hồ Chí Minh theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo nông thôn mới Thành ủy.

Kết quả thực hiện tại 6 xã điểm xây dựng nông thôn mới, đã có 5/6 xã hoàn thành cơ bản 19/19 tiêu chí (còn lại xã Tân Nhựt - huyện Bình Chánh). Tại 50 xã nhân rộng mô hình, dự kiến đến cuối năm 2014 có 48/50 xã đạt chuẩn từ 17 đến 19 tiêu chí, trong đó có 18 xã cơ bản đạt chuẩn 19/19 tiêu chí.

Trên đây là một số chỉ tiêu cơ bản về tình hình kinh tế xã hội của thành phố năm 2014 của thành phố Hồ Chí Minh./.



CỤC THÔNG KÊ TP. HỒ CHÍ MINH
PHÒNG THÔNG KÊ TỔNG HỢP
ĐT: 38 299 838, 38 244 733